

TIẾP XÚC NỘI DUNG KHIÊU DÂM Ở TRẺ VỊ THÀNH NIÊN: VAI TRÒ CỦA KHÁC BIỆT CÁ NHÂN, ĐỘNG CƠ TIẾP XÚC VÀ SỰ KIỂM SOÁT TỪ PHÍA CHA MẸ

Nguyễn Huy Hoàng

Nguyễn Văn Lược

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÓM TẮT

Trong thời đại công nghệ thông tin, trẻ vị thành niên ngày càng có nhiều cơ hội được tiếp xúc với nội dung khiêu dâm trên internet. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định thực trạng tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên và vai trò của một số yếu tố ảnh hưởng như là khác biệt cá nhân, động cơ tiếp xúc và sự kiểm soát từ phía cha mẹ. Nghiên cứu khảo sát 886 trẻ vị thành niên (58,1% là nữ giới) trong độ tuổi từ 15 đến 19 ($M = 16,72$; $SD = 0,73$). Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số trẻ có tiếp xúc với nội dung khiêu dâm trong 6 tháng gần nhất tính từ thời điểm khảo sát. Giới tính, tính chủ động và một số động cơ tiếp xúc có khả năng dự đoán tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên. Sự tò mò và làm theo bạn bè là hai động cơ phổ biến dẫn tới hành vi tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên nói chung. Theo giới tính, động cơ có thêm thông tin và kỹ năng về tình dục và giải tỏa căng thẳng có khả năng dự đoán tần suất tiếp xúc ở trẻ nam. Động cơ có thêm thông tin và kỹ năng về tình dục và làm theo bạn bè có khả năng dự đoán tần suất tiếp xúc ở trẻ nữ.

Từ khóa: Tiếp xúc nội dung khiêu dâm; Trẻ vị thành niên.

Ngày nhận bài: 4/10/2021; Ngày duyệt đăng bài: 25/1/2022.

1. Đặt vấn đề

Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và internet, giờ đây mọi cá nhân có thể dễ dàng tiếp cận thông tin mọi lúc, mọi nơi. Bắt nguồn từ sự tiện lợi này, ngày càng có nhiều người, đặc biệt là nhóm người trẻ tuổi, có thể tiếp xúc với những nội dung khiêu dâm trên internet - điều mà trước đây chỉ xuất hiện trên một số loại hình truyền thông nhất định như sách, báo hay tạp chí với khả năng tiếp cận hạn chế ngay cả ở trong xã hội phương Tây (Cooper, 1998; Lane, 2001).

Ở Việt Nam, “tài liệu khiêu dâm,” “nội dung khiêu dâm” hay “văn hóa phẩm đồi trụy” là những cụm từ được sử dụng thay thế cho nhau. Theo Thông tư số 09/2010/TT-BVHTTDL, “Khiêu dâm” được hiểu là “hành vi dùng hình ảnh, ngôn ngữ, âm thanh, hành động khêu gợi, kích thích dâm ô, ham muốn tình dục trái với truyền thống đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam, bao gồm: mô tả bộ phận sinh dục, khỏa thân, mô tả khỏa thân hoặc không khỏa thân nhưng kích thích tình dục, mô tả nhu cầu tình dục, thủ dâm dưới mọi hình thức”. Tương đồng với các định nghĩa này, nghiên cứu của Peter và Valkenburg (2011) có đưa ra định nghĩa về “nội dung khiêu dâm trên internet” là “những tài liệu có hình ảnh (âm thanh) được sản xuất một cách chuyên nghiệp hoặc nghiệp dư được đăng tải trên internet với chủ đích tạo kích thích cho người xem, miêu tả các hoạt động tình dục và kích thích bộ phận sinh dục một cách công khai, thường bằng việc chiếu cận cảnh các hoạt động quan hệ tình dục qua đường miệng, hậu môn và âm đạo” (tr. 751). Dựa trên hai định nghĩa này, nhóm tác giả định nghĩa “nội dung khiêu dâm là những video, hình ảnh, âm thanh, văn bản mô tả hành động quan hệ tình dục hoặc các hình ảnh khỏa thân; các động tác mô tả quan hệ tình dục tạo ra hoặc gợi lên cảm xúc hoặc suy nghĩ tình dục ở người tiếp xúc với nó”.

Dù thiếu sự thống nhất trong việc định nghĩa và đo lường sự tiếp xúc với nội dung khiêu dâm (Short và cộng sự, 2012; Mashall và Miller, 2019; Kohut và cộng sự, 2020), phần lớn các nghiên cứu đều chỉ ra rằng tiếp xúc với nội dung khiêu dâm là một hiện tượng phổ biến ở nhóm trẻ vị thành niên. Nghiên cứu trên nhóm mẫu đại diện trẻ vị thành niên tại Mỹ chỉ ra rằng có tới 68,4% số khách thể có tiếp xúc với nội dung khiêu dâm trên mạng (Wright và cộng sự, 2020). Một nghiên cứu khác ở Úc chỉ ra rằng có đến 87% số khách thể đã từng tiếp xúc với nội dung khiêu dâm (Lim và cộng sự, 2017). Nghiên cứu trên mẫu đại diện trẻ vị thành niên ở Thụy Sĩ của Luder và cộng sự (2011) thống kê được 47% trẻ nam và 35% trẻ nữ có tiếp xúc một cách bị động với nội dung khiêu dâm. Một nghiên cứu trên vị thành niên ở Đài Loan cũng cho thấy có 59% số khách thể chủ động tiếp xúc với nội dung khiêu dâm (Chen và cộng sự, 2013).

Một mặt, tiếp xúc với nội dung khiêu dâm có thể đem lại những thông tin hữu ích về giáo dục giới tính cho những người trẻ tuổi (Albury, 2014; Smith, 2013), nhất là khi cha mẹ và nhà trường vẫn còn dè dặt trong việc dạy những kiến thức này cho trẻ (Khuat, Bach và Nguyen, 2009). Mặt khác, tiếp xúc với nội dung khiêu dâm cũng có thể đem tới những tác động tiêu cực, như hành vi tình dục gây hấn, thực hành quan hệ tình dục không an toàn, quan hệ tình dục với nhiều hơn một bạn tình, quan hệ tình dục trong trạng thái không tỉnh táo hay hành vi tình dục ngẫu hứng (Owens và cộng sự, 2012; Harkness,

Mullan và Blaszczynski, 2015; Dir, Coskunpinar và Cyders, 2014; Koletić, 2017; Smith và cộng sự, 2016; Peter và Valkenburg, 2016). Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng, những tác động tiêu cực mà việc tiếp xúc với nội dung khiêu dâm đem lại không phải tuyệt đối (Luder và cộng sự, 2011; Martyniuk và cộng sự, 2016), nó còn phụ thuộc vào những yếu tố khác như: tần suất tiếp xúc, tính chủ động của việc tiếp xúc, tính có vấn đề của việc tiếp xúc với nội dung khiêu dâm, khác biệt cá nhân, hay động cơ tiếp xúc.

Một số yếu tố thuộc về khác biệt cá nhân thường được chỉ ra trong các nghiên cứu có thể ảnh hưởng tới việc tiếp xúc với nội dung khiêu dâm bao gồm: giới tính hay độ tuổi bắt đầu dậy thì. Đối với yếu tố giới tính, nam giới thường có tần suất và thời lượng tiếp xúc cao hơn (Peter và Valkenburg, 2006; Hald và cộng sự, 2014), cũng như thoải mái và có thái độ tiếp nhận cởi mở hơn đối với việc tiếp xúc nội dung khiêu dâm (Häggström-Nordin và cộng sự, 2009; Svedin và cộng sự, 2011) so với nữ giới. Tuổi dậy thì cũng có mối liên hệ nhất định với việc tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên. Dậy thì sớm ở trẻ vị thành niên được cho là làm gia tăng khả năng tiếp xúc với nội dung khiêu dâm (Luder và cộng sự, 2011; Peter và Valkenburg, 2006). Một số nghiên cứu chỉ ra rằng khi những bạn bè cùng lứa chưa bước vào giai đoạn dậy thì và không có nhiều hứng thú với chuyện tình dục, những trẻ trưởng thành sớm hơn sẽ có xu hướng sử dụng nội dung khiêu dâm như một nguồn thông tin về giáo dục giới tính (Brown, Halpern và L'Engle, 2005).

Các mối quan hệ liên cá nhân, đặc biệt là gia đình có thể trở thành yếu tố ảnh hưởng tới quyết định sử dụng hay phản hồi với các phương tiện truyền thông (Valkenburg và Peter, 2013). Trẻ vị thành niên ít có sự gắn kết với gia đình (Mesch, 2009; Mesch và Maman, 2009); ít thực hiện các chức năng của gia đình (Shek và Ma, 2014) và thiếu sự hỗ trợ từ gia đình có mức độ sử dụng nội dung khiêu dâm cao hơn so với những nhóm trẻ khác (Shek và Ma, 2012). Ngược lại, các gia đình có sự cởi mở, trao đổi với trẻ về tình dục nói chung, nội dung khiêu dâm trên internet nói riêng thì trẻ ít tiếp xúc hơn với nội dung khiêu dâm (Peter và Valkenburg, 2006; Wolak và cộng sự, 2007). Sự kiểm soát của cha mẹ có thể làm giảm tác động tiêu cực của việc tiếp xúc với nội dung truyền thông không lành mạnh của con. Nghiên cứu của Tomić, Burić và Štulhofer (2018) tìm hiểu về vai trò kiểm soát của cha mẹ đối với mối quan hệ giữa việc tiếp xúc với nội dung khiêu dâm và hành vi tình dục của con cái cho thấy sự kiểm soát của cha mẹ làm giảm tần suất sử dụng nội dung khiêu dâm, sự chấp nhận hành vi tình dục dễ dãi, cũng như những hành vi có vấn đề của con cái.

Động cơ tiếp xúc với nội dung khiêu dâm có mối liên hệ mật thiết với sự tiếp xúc nội dung khiêu dâm. Những người tìm kiếm nội dung khiêu dâm để

thỏa mãn sự tò mò hay để có thêm hiểu biết về giáo dục giới tính thường hạn chế tiếp xúc với nội dung khiêu dâm. Ngược lại, những người thường xuyên sử dụng nội dung khiêu dâm thường bắt nguồn từ những kích thích về mặt tình dục hay nhu cầu thủ dâm (Brown và cộng sự, 2017). Nghiên cứu của Esplin và cộng sự (2021) chỉ ra rằng những động cơ liên quan đến giáo dục có khả năng dự đoán sự tiếp xúc mang tính bị động, còn những động cơ liên quan đến cảm xúc có khả năng dự đoán thời lượng tiếp xúc với nội dung khiêu dâm. Một số nghiên cứu cũng chỉ ra sự khác biệt giới liên quan đến động cơ tiếp xúc nội dung khiêu dâm. Chẳng hạn, nam giới thường tiếp xúc nội dung khiêu dâm để có kích thích tình dục, nữ giới thường tiếp xúc như một nguồn thông tin về giáo dục giới tính (Ševčíková và Daneback, 2014). Nghiên cứu của Baltazar và cộng sự (2010) chỉ ra rằng nam giới xem nội dung khiêu dâm như một chiến lược ứng phó với những cảm xúc tiêu cực không mong muốn, trong khi đó, nữ giới thường tiếp xúc với loại nội dung này khi họ không thể ngủ.

Có thể thấy rằng, nếu nắm được các yếu tố ảnh hưởng có thể giúp đưa ra những đề xuất trực tiếp làm giảm thiểu việc tiếp xúc với nội dung khiêu dâm và gián tiếp ngăn ngừa những tác động tiêu cực mà tiếp xúc với nội dung khiêu dâm có thể đem lại. Tuy nhiên, nghiên cứu về sự tiếp xúc với nội dung khiêu dâm ở Việt Nam vẫn còn chưa được nhiều học giả quan tâm, chú ý. Vì vậy, trong khuôn khổ của nghiên cứu này, chúng tôi xem xét một số yếu tố có khả năng tác động tới sự tiếp xúc với nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên như: động cơ tiếp xúc, sự kiểm soát của cha mẹ và một số yếu tố thuộc về cá nhân như là giới tính và thời điểm dậy thì.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành khảo sát trên nhóm trẻ vị thành niên đang theo học tại các trường trung học phổ thông công lập tại 4 tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Bình Định và Bình Phước. Mẫu khách thể nghiên cứu bao gồm 886 trẻ vị thành niên (58,1% là nữ giới) trong độ tuổi từ 15 đến 19 tuổi (độ tuổi trung bình là 16,72; độ lệch chuẩn là 0,73).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm: nghiên cứu tài liệu, điều tra bằng bảng hỏi và xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

Để thống nhất cách hiểu về nội dung khiêu dâm trên internet giữa các khách thể tham gia nghiên cứu, nhóm nghiên cứu cũng đưa ra chú giải về định nghĩa nội dung khiêu dâm trong bảng hỏi. Trong khuôn khổ nghiên cứu, tiếp xúc nội dung khiêu dâm được thể hiện qua các mặt bao gồm: tần suất tiếp xúc

với nội dung khiêu dâm, tính chủ động khi tiếp xúc với nội dung khiêu dâm, động cơ tiếp xúc với nội dung khiêu dâm. Trong đó, tần suất tiếp xúc với nội dung khiêu dâm được đo lường thông qua câu hỏi “Bạn hãy xác định tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm trên internet của bạn trong 6 tháng qua (tương đương 22 tuần)?” với các phương án lựa chọn bao gồm: (1) Không lần nào, (2) Ít hơn 1 lần/1 tháng, (3) Từ 1 tới 3 lần/1 tháng, (4) Hàng tuần, (5) Vài lần 1 tuần và (6) Hàng ngày.

Để đo lường tính chủ động khi tiếp xúc nội dung khiêu dâm, chúng tôi sử dụng câu hỏi “Sự tiếp xúc với nội dung khiêu dâm của bạn trên internet phần lớn là?” với hai phương án: (1) Chủ động và (2) Bị động.

Động cơ tiếp xúc nội dung khiêu dâm được thể hiện qua câu hỏi đa lựa chọn “Phần lớn mục đích của bạn khi tiếp xúc với nội dung khiêu dâm trên internet?” với những phương án trả lời được liệt kê dựa trên nghiên cứu tổng hợp của Owens và cộng sự (2012) bao gồm: (1) Vì tò mò, (2) Để giải trí/giải tỏa những căng thẳng, mệt mỏi, (3) Để có thêm thông tin và kỹ năng về tình dục, (4) Vì bạn bè cũng làm vậy nên mình cũng làm vậy và (5) Để thủ dâm.

Sự kiểm soát của cha mẹ được đo lường bằng thang đo Kiểm soát của cha mẹ (Parental Monitoring Scale) của Wight, Williamson và Henderson (2006) bao gồm 4 mệnh đề (item). Mỗi item có 4 phương án trả lời: (1) Không bao giờ, (2) thỉnh thoảng, (3) Thường xuyên và (4) Luôn luôn (ví dụ, “Buổi tối tôi phải về nhà vào một giờ nhất định”). Mức độ kiểm soát của cha mẹ được tính bằng điểm trung bình của 4 item này, số điểm càng cao thể hiện mức độ kiểm soát của cha mẹ càng cao (Wight, Williamson và Henderson, 2006). Độ ổn định bên trong của thang đo ở mức cao, với Alpha của Cronbach là 0,75.

Các biến số thuộc về khác biệt cá nhân khác được khảo sát trong nghiên cứu bao gồm giới tính (0 = Nam, 1 = Nữ), tuổi, độ tuổi bắt đầu dậy thì.

Các số liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm thống kê toán học SPSS phiên bản 26.0.

Thực trạng tiếp xúc nội dung khiêu dâm được thể hiện thông qua các thống kê mô tả. Sự khác biệt về giới tính đối với thực trạng tiếp xúc nội dung khiêu dâm và các biến số liên quan được đánh giá thông qua kiểm định χ^2 và t-test. Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng để xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm của trẻ vị thành niên. Các biến số được đưa vào mô hình bao gồm tuổi, giới tính, tuổi bắt đầu dậy thì, tính chủ động của sự tiếp xúc, sự kiểm soát của cha mẹ, động cơ tiếp xúc nội dung khiêu dâm. Bởi sự khác biệt về giới tính thường được chỉ ra trong các nghiên cứu trước đó, mô hình nêu trên được chạy một lần nữa đối với mỗi giới tính

(nam và nữ) nhằm xác định vai trò của giới tính trong mối liên hệ với các biến số độc lập.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Thực trạng tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên và một số yếu tố liên quan

Bảng 1 khái quát về một số đặc trưng của mẫu khách thể và thực trạng tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên. Xem xét sự tự đánh giá về tuổi mà trẻ bắt đầu dậy thì cho thấy trẻ nam bắt đầu dậy thì ($M = 13,66$; $SD = 1,41$), muộn hơn trẻ nữ ($M = 12,98$; $SD = 1,22$; $p < 0,001$). Trẻ nữ báo cáo điểm trung bình về sự kiểm soát từ phía cha mẹ ($M = 3,15$; $SD = 0,78$), cao hơn điểm trung bình của hiện tượng này so với trẻ nam ($M = 2,88$; $SD = 0,81$; $p < 0,001$).

Bảng 1: Thống kê mô tả sự tiếp xúc với nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên và một số yếu tố khác phân loại theo giới tính

	Nam giới n (%)	Nữ giới n (%)	Tổng n (%)	Kiểm định thống kê
Độ tuổi bắt đầu dậy thì, M (SD)	13,66 (1,41)	12,98 (1,22)	13,25 (1,30)	t(831) = 7,25***
Tiếp xúc nội dung khiêu dâm trong 6 tháng gần nhất, M (SD)	3,30 (1,54)	2,36 (1,12)	2,75 (1,43)	t(884) = 9,81***
Không lần nào	38 (10,2)	103 (20,0)	141 (15,9)	$\chi^2(5, 886) = 107,99***$
Ít hơn 1 lần/tháng	112 (30,2)	261 (50,7)	373 (42,1)	
Từ 1 tới 3 lần/tháng	62 (16,7)	80 (15,5)	142 (16,0)	
Hàng tuần	50 (13,5)	16 (3,1)	66 (7,4)	
Vài lần 1 tuần	77 (20,8)	44 (8,5)	121 (13,7)	
Hàng ngày	32 (8,6)	11 (2,1)	43 (4,9)	
Tiếp xúc chủ động	193 (57,1)	118 (28,4)	311 (41,3)	$\chi^2(1, 753) = 63,15***$
Tiếp xúc bị động	145 (42,9)	297 (71,6)	442 (58,7)	
Động cơ tiếp xúc				
Vì tò mò	107 (29,3)	199 (39,8)	306 (35,4)	$\chi^2(1, 865) = 10,15***$

Để giải trí/giải tỏa những căng thẳng, mệt mỏi	50 (13,5)	43 (8,3)	93 (10,5)	$\chi^2(1, 886) = 6,04^*$
Để có thêm thông tin và kỹ năng về tình dục	85 (23,0)	24 (4,7)	109 (12,4)	$\chi^2(1, 881) = 66,12^{***}$
Vì bạn bè cũng làm vậy nên mình cũng làm vậy	144 (39,0)	104 (20,4)	248 (28,2)	$\chi^2(1, 880) = 36,91^{***}$
Để thủ dâm	21 (5,7)	16 (3,1)	37 (4,2)	$\chi^2(1, 880) = 3,49$
Sự kiểm soát từ phía cha mẹ, M (SD)	2,88 (0,81)	3,15 (0,78)	3,05 (0,79)	$t(823) = -4,79^{***}$

Ghi chú: ***: $p < 0,001$; *: $p < 0,05$.

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong số 886 trẻ vị thành niên được khảo sát có 141 trẻ (chiếm 15,9%) báo cáo rằng bản thân không tiếp xúc với nội dung khiêu dâm; 373 (chiếm 42,1%) trẻ vị thành niên có tiếp xúc ít hơn 1 lần/tháng và 372 (chiếm 42,0%) trẻ vị thành niên có tiếp xúc từ 1 lần/tháng trở lên trong 6 tháng vừa qua. Xem xét tần suất tiếp xúc với nội dung khiêu dâm theo giới cho thấy: đối với trẻ nữ, ở mức không tiếp xúc có 103 em (chiếm 20,0%); tiếp xúc ít hơn 1 lần/tháng có 261 em (chiếm 50,7%); tiếp xúc từ 1 tới 3 lần/tháng trở lên có 15,5% và tiếp xúc từ hàng tuần đến hàng ngày có 13,8%. Đối với trẻ nam, không tiếp xúc có 38 em (chiếm 10,2%), tiếp xúc ít hơn 1 lần/tháng có 30,2%, tiếp xúc 1 - 3 lần/tháng có 16,7%, tiếp xúc từ hàng tuần đến hàng ngày có 42,9%. Nhìn chung, có thể thấy rằng, so với trẻ vị thành niên nữ, trẻ vị thành niên nam tiếp xúc nhiều hơn và thường xuyên hơn với nội dung khiêu dâm.

Đối với tính chủ động trong việc tiếp xúc với nội dung khiêu dâm, phần lớn trẻ vị thành niên được khảo sát có tiếp xúc bị động với nội dung khiêu dâm (58,7%). Nam giới có xu hướng chủ động tiếp xúc với nội dung khiêu dâm hơn so với nữ giới (57,1% so với 28,4%).

Qua quan sát có thể thấy, tiếp xúc vì tò mò (29,3% ở nam giới, 39,8% ở nữ giới) và tiếp xúc vì làm theo bạn bè (39% ở nam giới và 20,4% ở nữ giới) là hai động cơ chính khiến trẻ vị thành niên tiếp xúc với nội dung khiêu dâm. Có 23,0% trẻ nam sử dụng nội dung khiêu dâm như một nguồn thông tin về giáo dục giới tính nhưng tỷ lệ này ở nữ chỉ là 4,7%. 13,5% trẻ nam và 8,3% trẻ nữ tiếp xúc nội dung khiêu dâm để giải trí, giải tỏa căng thẳng. Thủ dâm là động cơ ít được báo cáo nhất ở cả hai giới (5,7% ở nam giới và 3,1% ở nữ giới). Đặc biệt, 15,9% trẻ nam và 35,3% trẻ nữ cho biết mình không có bất kỳ động cơ nào để sử dụng nội dung khiêu dâm.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm

Bảng 2 xem xét tác động của một số biến số thuộc về cá nhân (giới tính, tuổi, tuổi bắt đầu dậy thì), tính chủ động trong tiếp xúc với nội dung khiêu dâm, động cơ tiếp xúc và sự kiểm soát của cha mẹ tới tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm của trẻ vị thành niên. Đối với các yếu tố về khác biệt cá nhân, chỉ có yếu tố giới tính có khả năng dự đoán tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm. Cụ thể, nữ giới có tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm thấp hơn so với nam giới ($\beta = -0,15$; $p < 0,001$). Sự kiểm soát của cha mẹ không có mối liên hệ với tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên ($\beta = -0,05$; $p > 0,05$). Trẻ vị thành niên chủ động tiếp xúc với nội dung khiêu dâm cũng có xu hướng xem những nội dung này nhiều hơn so với trẻ có tiếp xúc thụ động ($\beta = 0,23$; $p < 0,001$). Những trẻ lựa chọn tiếp xúc nội dung khiêu dâm để giải trí, giải tỏa căng thẳng ($\beta = 0,14$; $p < 0,001$), để có thêm thông tin và kỹ năng về tình dục ($\beta = 0,21$; $p < 0,001$) và vì làm theo bạn bè ($\beta = 0,12$; $p < 0,001$) có xu hướng tiếp xúc với nội dung khiêu dâm nhiều hơn. Hai động cơ là tiếp xúc vì tò mò ($\beta = -0,02$; $p > 0,05$) và để thủ dâm ($\beta = 0,05$; $p > 0,05$) không cho thấy khả năng dự báo tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên.

Bảng 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm

	B	SE	β	t	p
(Hằng số)	3,30	1,40		2,35	0,019
Tuổi	0,01	0,08	0,004	0,12	0,909
Tuổi bắt đầu dậy thì	-0,04	0,04	-0,04	-1,14	0,253
Giới tính, nữ	-0,41	0,11	-0,15	-3,84	< 0,001
Tiếp xúc chủ động	0,64	0,12	0,23	5,57	< 0,001
Sự kiểm soát của cha mẹ	-0,08	0,06	-0,05	-1,36	0,173
Vì tò mò	-0,06	0,10	-0,02	-0,56	0,575
Để giải trí/giải tỏa những căng thẳng, mệt mỏi	0,61	0,15	0,14	4,10	< 0,001
Để có thêm thông tin và kỹ năng về tình dục	0,87	0,16	0,21	5,61	< 0,001
Vì bạn bè cũng làm vậy nên mình cũng làm vậy	0,37	0,12	0,12	3,24	0,001
Để thủ dâm	0,32	0,24	0,05	1,32	0,186
Hệ số hồi quy hiệu chỉnh (adj R ²)	0,281				

Bảng 3 xem xét các yếu tố ảnh hưởng tới tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm phân loại theo giới tính. Tương tự như kết quả thu được từ bảng 2,

các yếu tố như tuổi, tuổi bắt đầu dậy thì, sự kiểm soát của cha mẹ, động cơ tiếp xúc vì tò mò và để thủ dâm của cả trẻ nam và trẻ nữ đều không cho thấy mối liên hệ có ý nghĩa với tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm. Trong khi đó, những động cơ khác có mối liên hệ có ý nghĩa với tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên khi xem xét theo giới tính. Cụ thể, trẻ vị thành niên nam tiếp xúc nội dung khiêu dâm để giải trí, giải tỏa căng thẳng ($\beta = 0,20$; $p < 0,001$) và để có thêm thông tin và kỹ năng về tình dục ($\beta = 0,26$; $p < 0,001$) cho thấy sự gia tăng về tần suất tiếp xúc. Trong khi đó, sự gia tăng tần suất tiếp xúc ở trẻ vị thành niên nữ có mối liên hệ với động cơ tiếp xúc để có thêm thông tin và kỹ năng về tình dục ($\beta = 0,11$; $p < 0,05$) và làm theo bạn bè ($\beta = 0,16$; $p < 0,01$).

Bảng 3: Các yếu tố ảnh hưởng đến tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở nam và nữ

	B	SE	β	t	p
Trẻ vị thành niên nam					
(Hằng số)	5,43	2,17	-	2,50	0,013
Tuổi	-0,09	0,11	-0,04	-0,81	0,417
Tuổi bắt đầu dậy thì	-0,08	0,06	-0,07	-1,27	0,206
Tiếp xúc, chủ động	0,66	0,19	0,22	3,43	0,001
Sự kiểm soát của cha mẹ	-0,08	0,10	-0,04	-0,78	0,435
Vì tò mò	-0,07	0,19	-0,02	-0,39	0,700
Để giải trí/giải tỏa những căng thẳng, mệt mỏi	0,85	0,23	0,20	3,71	< 0,001
Để có thêm thông tin và kỹ năng về tình dục	0,90	0,20	0,26	4,48	< 0,001
Vì bạn bè cũng làm vậy nên mình cũng làm vậy	0,29	0,18	0,09	1,63	0,104
Để thủ dâm	0,67	0,35	0,10	1,93	0,055
Hệ số hồi quy hiệu chỉnh (adj R ²)	0,285				
Trẻ vị thành niên nữ					
(Hằng số)	0,94	1,83		0,52	0,607
Tuổi	0,11	0,10	0,05	1,05	0,294
Tuổi bắt đầu dậy thì	-0,02	0,05	-0,02	-0,44	0,662
Tiếp xúc, chủ động	0,62	0,15	0,24	4,19	< 0,001
Sự kiểm soát của cha mẹ	-0,06	0,08	-0,04	-0,82	0,412

Vì tò mò	-0,06	0,12	-0,03	-0,53	0,598
Để giải trí/giải tỏa những căng thẳng, mệt mỏi	0,37	0,20	0,09	1,86	0,064
Để có thêm thông tin và kỹ năng về tình dục	0,65	0,29	0,11	2,24	0,026
Vì bạn bè cũng làm vậy nên mình cũng làm vậy	0,48	0,15	0,17	3,15	0,002
Để thu hút	-0,11	0,34	-0,02	-0,32	0,753
Hệ số hồi quy hiệu chỉnh (adj R ²)	0,165				

Trái với một số kết luận rút ra từ một số nghiên cứu ở nước ngoài, các yếu tố như tuổi, tuổi bắt đầu dậy thì và sự kiểm soát của cha mẹ trên mẫu nghiên cứu ở đây không chỉ ra mối liên hệ có ý nghĩa với tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm. Kết quả phân tích chỉ ra rằng tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm sẽ gia tăng nếu trẻ thường có tiếp xúc chủ động và nếu trẻ là nam giới. Những động cơ tiếp xúc bao gồm: (1) để giải trí, giải tỏa căng thẳng, (2) để có thêm thông tin và kỹ năng về tình dục và (3) vì làm theo bạn bè có thể dự báo sự gia tăng tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên. Cụ thể, khi xem xét từng giới tính, trẻ nam với động cơ tiếp xúc để giải trí, giải tỏa căng thẳng, mệt mỏi và để có thêm thông tin và kỹ năng về tình dục có xu hướng tiếp xúc với nội dung khiêu dâm nhiều hơn. Trong khi đó, trẻ vị thành niên nữ có động cơ tiếp xúc vì muốn có thêm thông tin và kỹ năng về tình dục và vì làm theo bạn bè sẽ thường xuyên tiếp xúc nội dung khiêu dâm hơn.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số trẻ vị thành niên được khảo sát có tiếp xúc với nội dung khiêu dâm và sự tiếp xúc ở trẻ vị thành niên thường là bị động. Trong đó, trẻ vị thành niên nam có xu hướng tiếp xúc với nội dung khiêu dâm thường xuyên và chủ động hơn so với trẻ vị thành niên nữ. Sự tò mò và làm theo bạn bè là hai động cơ phổ biến dẫn tới hành vi tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên. Động cơ tiếp xúc nội dung khiêu dâm để thu thập thông tin về giáo dục giới tính - một trong những động cơ đem lại hệ quả tích cực đối với trẻ vị thành niên - thường phổ biến ở nam giới hơn so với nữ giới.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu góp phần chỉ ra vai trò của tính chủ động và động cơ tiếp xúc nội dung khiêu dâm trong việc tác động tới tần suất tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên. Có thể thấy, việc xây dựng các biện pháp can thiệp khả năng tiếp cận nội dung khiêu dâm của trẻ vị thành niên - nhất là trên không gian mạng, đồng thời tìm cách thỏa mãn những động cơ tiếp xúc nội dung khiêu dâm bằng những hình thức, phương tiện truyền tải khác (ví dụ, chương trình giáo dục giới tính ở trường học, sự trao đổi về các vấn đề liên quan đến tình dục với bố mẹ) có thể góp phần làm giảm đi sự tiếp

xúc với nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên. Ngoài ra, trong quá trình tác động tới sự tiếp xúc nội dung khiêu dâm ở trẻ vị thành niên cũng cần phải cân nhắc tới sự khác biệt giới giữa nam và nữ.

Chú thích:

Lời cảm ơn: Nhóm nghiên cứu xin cảm ơn các thầy/cô giáo đã hỗ trợ khảo sát, các bạn học sinh đã tham gia vào nghiên cứu này. Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài mã số QG.19.36 do PGS.TS. Nguyễn Văn Lược làm chủ trì.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2010). *Thông tư số 09/2010/TTBVHTTDL quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Nghị định số 75/2010/NĐ-CP.*

Tài liệu tiếng Anh

2. Albury K. (2014). *Porn and sex education, porn as sex education.* Porn Studies. Vol. 1 (1-2). P. 172 - 181.
3. Baltazar A., Helm Jr.H.W., McBride D., Hopkins G. and Stevens Jr.J.V. (2010). *Internet pornography use in the context of external and internal religiosity.* Journal of Psychology and Theology. Vol. 38 (1). P. 32 - 40.
4. Brown C.C., Durtschi J.A., Carroll J.S. and Willoughby B.J. (2017). *Understanding and predicting classes of college students who use pornography.* Computers in Human Behavior. Vol. 66. P. 114 - 121.
5. Brown J.D., Halpern C.T. and L'Engle K.L. (2005). *Mass media as a sexual super peer for early maturing girls.* Journal of Adolescent Health. Vol. 36 (5). P. 420 - 427.
6. Chen A.S., Leung M., Chen C.H. and Yang S.C. (2013). *Exposure to internet pornography among Taiwanese adolescents.* Social Behavior and Personality: An International Journal. Vol. 41 (1). P. 157 - 164.
7. Cooper A. (1998). *Sexuality and the internet: Surfing into the new millennium.* CyberPsychology & Behavior. Vol. 1 (2). P. 187 - 193.
8. Dir A.L., Coskunpinar A. and Cyders M.A. (2014). *A meta-analytic review of the relationship between adolescent risky sexual behavior and impulsivity across gender, age, and race.* Clinical Psychology Review. Vol. 34 (7). P. 551 - 562.
9. Esplin C.R., Hatch S.G., Hatch H.D., Deichman C.L. and Braithwaite S.R. (2021). *What motives drive pornography use?.* The Family Journal. Vol. 29 (2). P. 161 - 174.
10. Hald G.M., Seaman C. and Linz D. (2014). *Sexuality and pornography.* In APA handbook of sexuality and psychology. Vol. 2. Contextual approaches. P. 3 - 35. American Psychological Association.

11. Harkness E.L., Mullan B. and Blaszczyński A. (2015). *Association between pornography use and sexual risk behaviors in adult consumers: A systematic review*. Cyberpsychology, Behavior, and Social Networking. Vol. 18 (2). P. 59 - 71.
12. Häggström-Nordin E., Tydén T., Hanson U. and Larsson M. (2009). *Experiences of and attitudes towards pornography among a group of Swedish high school students*. The European Journal of Contraception & Reproductive Health Care. Vol. 14 (4). P. 277 - 284.
13. Khuat H.T., Bach D.L. and Nguyen H.N. (2009). *Sexuality in contemporary Vietnam: Easy joke about but hard talk about*. Hanoi: Knowledge Publisher and Vnn Publishing.
14. Kohut T., Balzarini R.N., Fisher W.A., Grubbs J.B., Campbell L. and Prause N. (2020). *Surveying pornography use: A shaky science resting on poor measurement foundations*. The Journal of Sex Research. Vol. 57 (6). P. 722 - 742.
15. Koletić G. (2017). *Longitudinal associations between the use of sexually explicit material and adolescents' attitudes and behaviors: A narrative review of studies*. Journal of Adolescence. Vol. 57. P. 119 - 133.
16. Lane F. (2001). *Obscene profits: entrepreneurs of pornography in the cyber age*. Routledge.
17. Lim M.S., Agius P.A., Carrotte E.R., Vella A.M. and Hellard M.E. (2017). *Young Australians' use of pornography and associations with sexual risk behaviours*. Australian and New Zealand Journal of Public Health. Vol. 41 (4). P. 438 - 443.
18. Luder M.T., Pittet I., Berchtold A., Akre C., Michaud P.A. and Suris J.C. (2011). *Associations between online pornography and sexual behavior among adolescents: Myth or reality?*. Archives of Sexual Behavior. Vol. 40 (5). P. 1.027 - 1.035.
19. Marshall E.A. and Miller H.A. (2019). *Consistently inconsistent: A systematic review of the measurement of pornography use*. Aggression and Violent Behavior. Vol. 48. P. 169 - 179.
20. Martyniuk U., Briken P., Sehner S., Richter-Appelt H. and Dekker A. (2016). *Pornography use and sexual behavior among Polish and German university students*. Journal of Sex & Marital Therapy. Vol. 42 (6). P. 494 - 514.
21. Mesch G.S. (2009). *Social bonds and Internet pornographic exposure among adolescents*. Journal of Adolescence. Vol. 32 (3). P. 601 - 618. DOI: 10.1016/j.adolescence.2008.06.004.
22. Mesch G.S. and Maman T.L. (2009). *Intentional online pornographic exposure among adolescents: Is the Internet to blame?*. Verhaltenstherapie & Verhaltensmedizin. Vol. 30 (3). P. 352 - 367. DOI: 10.1037/t01038-000.
23. Owens E.W., Behun R.J., Manning J.C. and Reid R.C. (2012). *The impact of internet pornography on adolescents: A review of the research*. Sexual Addiction & Compulsivity. Vol. 19 (1-2). P. 99 - 122.

24. Peter J. and Valkenburg P.M. (2006). *Adolescents' exposure to sexually explicit material on the internet*. Communication Research. Vol. 33 (2). P. 178 - 204.
25. Peter J. and Valkenburg P.M. (2011). *The influence of sexually explicit internet material on sexual risk behavior: a comparison of adolescents and adults*. Journal of Health Communication. Vol. 16 (7). P. 750 - 765. DOI: 10.1080/10810730.2011.551996.
26. Peter J. and Valkenburg P.M. (2016). *Adolescents and pornography: A review of 20 years of research*. The Journal of Sex Research. Vol. 53 (4-5). P. 509 - 531.
27. Ševčíková A. and Daneback K. (2014). *Online pornography use in adolescence: Age and gender differences*. European Journal of Developmental Psychology. Vol. 11 (6). P. 674 - 686.
28. Shek D.T.L. and Ma C.M.S. (2014). *Using structural equation modeling to examine consumption of pornographic materials in Chinese adolescents in Hong Kong*. International Journal on Disability and Human Development. Vol. 13 (2). P. 239 - 245. DOI: 10.1515/ijdhhd-2014-0309.
29. Short M.B., Black L., Smith A.H., Wetterneck C.T. and Wells D.E. (2012). *A review of Internet pornography use research: Methodology and content from the past 10 years*. Cyberpsychology, Behavior, and Social Networking. Vol. 15 (1). P. 13 - 23.
30. Smith M. (2013). *Youth viewing sexually explicit material online: Addressing the elephant on the screen*. Sexuality Research and Social Policy. Vol. 10 (1). P. 62 - 75.
31. Smith L.W., Liu B., Degenhardt L., Richters J., Patton G., Wand H.,... and Guy R. (2016). *Is sexual content in new media linked to sexual risk behaviour in young people? A systematic Review and Meta-analysis*. Sexual Health. Vol. 13 (6). P. 501 - 515.
32. Svedin C.G., Åkerman I. and Priebe G. (2011). *Frequent users of pornography. A population based epidemiological study of Swedish male adolescents*. Journal of Adolescence. Vol. 34 (4). P. 779 - 788.
33. Tomić I., Burić J. and Štulhofer A. (2018). *Associations between croatian adolescents' use of sexually explicit material and sexual behavior: does parental monitoring play a role?*. Archives of Sexual Behavior. Vol. 47 (6). P. 1.881 - 1.893.
34. Valkenburg P.M. and Peter J. (2013). *The differential susceptibility to media effects model*. Journal of Communication. Vol. 63 (2). P. 221 - 243.
35. Wight D., Williamson L. and Henderson M. (2006). *Parental influences on young people's sexual behaviour: A longitudinal analysis*. Journal of adolescence. Vol. 29 (4). P. 473 - 494.
36. Wright P.J., Herbenick D. and Paul B. (2020). *Adolescent condom use, parent-adolescent sexual health communication, and pornography: Findings from a US probability sample*. Health Communication. Vol. 35 (13). P. 1.576 - 1.582.
37. Wolak J., Mitchell K. and Finkelhor D. (2007). *Unwanted and wanted exposure to online pornography in a national sample of youth Internet users*. Pediatrics. Vol. 119 (2). P. 247 - 257. DOI: 10.1542/peds.2006-1891.